

# Kinh tế tư nhân ở Việt Nam - Một góc nhìn và ứng xử

PHAN THỊ HUỆ\*

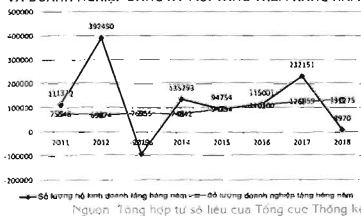
Sau hơn 30 năm Đổi mới, khu vực kinh tế tư nhân ở nước ta đã có những bước phát triển nhảy vọt. Kinh tế tư nhân từ chỗ từng bị cấm tồn tại, hạn chế phát triển, đến khẳng định là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Tuy nhiên, cho đến nay, cơ chế chính sách cho khu vực này còn bất cập. Do đó, việc đánh giá đúng trạng thái phát triển kinh tế tư nhân, làm căn cứ đề xuất chính sách phù hợp là rất cần thiết nhằm phát huy vai trò động lực của kinh tế tư nhân theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

## THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN

Từ khi Đảng và Nhà nước tiến hành công cuộc Đổi mới, khu vực tư nhân đã được chính thức công nhận là một bộ phận cấu thành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và của nền kinh tế nhiều thành phần. Luật Doanh nghiệp ban hành lần đầu tiên vào năm 1999 đã dẫn đến sự phát triển bùng nổ của các doanh nghiệp tư nhân ở Việt Nam. Từ đó đến nay, môi trường chính sách và pháp lý cho khu vực kinh tế tư nhân liên tục được cải thiện. Đặc biệt, tháng 06/2017, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã thông qua và khẳng định tầm quan trọng của việc thúc đẩy phát triển khu vực kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Nhờ hành lang pháp lý cho phát triển kinh tế tư nhân ngày càng hoàn thiện, khu vực này ở nước ta phát triển khá nhanh và mạnh, cụ thể:

BIỂU ĐỒ: SỐ LƯỢNG HỘ CÁ THỂ PHI NÔNG NGHIỆP VÀ DOANH NGHIỆP ĐĂNG KÝ MỚI TĂNG THÊM HÀNG NĂM



*Kinh tế cá thể, hộ gia đình, tiểu chủ* (biểu hiện dưới các hình thức kinh tế hộ và kinh tế trang trại). Xét về trình độ lực lượng sản xuất, đây là thành phần kinh tế có trình độ rất thấp (cả về trình độ chuyên môn, quản lý, khoa học công nghệ, quy mô nguồn vốn...). Phần lớn các hộ sản xuất, kinh doanh có quy mô siêu nhỏ, thu nhập thấp.

Về số lượng, thành phần kinh tế này lại có số lượng chiếm tỷ lệ lớn nhất trong khu vực kinh tế tư nhân. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê (2019a), năm 2018 cả nước có gần 5,2 triệu cơ sở kinh tế cá thể phi nông nghiệp, 9,3 triệu hộ nông nghiệp, thủy sản và hơn 30 ngàn trang trại khác. Trong đó, số cơ sở kinh tế cá thể phi nông nghiệp tăng hàng năm, bởi mô hình này phù hợp với trình độ thấp, với nguồn vốn hạn hẹp và quy mô vừa phải; thủ tục đăng ký kinh doanh nhanh gọn, đơn giản, dễ quản lý; các quy định về đăng ký, chế độ kế toán, thông tin, báo cáo, thuế và nghĩa vụ thuế, cũng như các quy định về an sinh xã hội, bảo hiểm đơn giản hơn rất nhiều so với doanh nghiệp đăng ký chính thức được quy định trong Luật Doanh nghiệp (năm 2014) và Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, ngày 01/11/2015 của Chính phủ. Do vậy, đây là mô hình được nhiều hộ gia đình, cá nhân lựa chọn làm phương thức kinh doanh khi khởi nghiệp. Đặc biệt, năm 2017, cả nước chỉ có 126.859 doanh nghiệp đăng ký mới, song có đến 233.151

\* TS., Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

người lựa chọn hình thức hộ kinh doanh để khởi nghiệp (Biểu đồ).

**Doanh nghiệp ngoài nhà nước**, bao gồm: các doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần có vốn nhà nước, công ty cổ phần không có vốn nhà nước. Mỗi năm, hàng trăm nghìn doanh nghiệp đăng ký mới thành lập, song cũng có đến vài chục ngàn doanh nghiệp ngưng hoạt động hoặc giải thể. Chẳng hạn, năm 2019, cả nước có 138,1 nghìn doanh nghiệp mới được thành lập, nhưng cũng có 28,7 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn và 43,7 nghìn doanh nghiệp ngưng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể (Tổng cục Thống kê, 2019b).

Số doanh nghiệp đang hoạt động trên thực tế có kết quả sản xuất, kinh doanh tăng chủ yếu vẫn là các doanh nghiệp ngoài nhà nước. Tính đến tháng 12/2017, cả nước có 560.417 doanh nghiệp, thì khu vực kinh tế tư nhân có đến 541.753 doanh nghiệp là doanh nghiệp ngoài nhà nước, chiếm 96,7% (Bảng 1).

**Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài** tồn tại dưới hình thức doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài. Năm 2017, cả nước có 16.178 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động có hiệu quả, chiếm 2,98%. Con số này tuy tăng hàng năm, nhưng không nhiều, từ 2,59% năm 2010 lên 2,98% 2017, chưa vượt ngưỡng 3% (Bảng 1).

Xét về mức độ đóng góp vào GDP, tuy quy mô nhỏ, bé nhưng số lượng lớn các hộ kinh doanh cá thể đóng góp vào tăng trưởng kinh tế luôn ở mức cao nhất. Năm 2018, chỉ tính riêng kinh tế cá thể đã đóng góp 29,24% GDP, lớn hơn cả khối doanh nghiệp nhà nước (27,67%) và doanh nghiệp của tư nhân (doanh nghiệp ngoài nhà nước) (9,1%), cùng như khối doanh nghiệp FDI (20,28%) (Bảng 2). Mặc dù vậy, trong những năm gần đây, đóng góp của kinh tế cá thể đang có xu hướng giảm dần.

Xét về khả năng thu hút vốn đầu tư: Theo Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam 2019, tính tới ngày 31/12/2018, thành phần kinh tế ngoài nhà nước thu hút 17,5 triệu tỷ đồng vốn, chiếm 53%. Kinh tế nhà nước chủ yếu gồm các doanh nghiệp nhà nước có quy mô lớn, nên vốn thu hút vào sản xuất, kinh doanh đạt 9,5 triệu tỷ đồng, chiếm 28,9%. Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hầu hết là các

**BẢNG 1: SỐ LƯỢNG VÀ CƠ CẤU DOANH NGHIỆP ĐANG HOẠT ĐỘNG CÓ HIỆU QUẢ TẠI THỜI ĐIỂM 31/12 HÀNG NĂM**

Năm	2010	2014	2015	2016	2017
<b>TỔNG SỐ</b>	279.360	402.326	442.485	505.059	560.417
Doanh nghiệp nhà nước	3.281	3.048	2.835	2.662	2.486
<i>Cơ cấu (%)</i>	1,18	0,75	0,64	0,52	0,4
Doanh nghiệp ngoài nhà nước	268.831	388.232	427.710	488.395	541.753
<i>Cơ cấu (%)</i>	96,23	96,50	96,66	96,71	96,67
Doanh nghiệp FDI	7.248	11.046	11.940	14.002	16.178
<i>Cơ cấu (%)</i>	2,59	2,75	2,70	2,77	2,89

**BẢNG 2: CƠ CẤU TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC THEO GIÁ HIỆN HÀNH PHÂN THEO LOẠI HÌNH KINH TẾ**

Đơn vị tính: %

Năm	2010	2015	2016	2017	2018
<b>Tổng số</b>	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
<b>Kinh tế nhà nước</b>	29,34	28,69	28,81	28,63	27,67
<b>Kinh tế ngoài nhà nước</b>	42,96	43,22	42,56	41,74	42,08
- Tập thể	3,99	4,01	3,92	3,76	3,74
- Doanh nghiệp của tư nhân	6,90	7,88	8,21	8,64	9,10
- Cá thể	32,07	31,33	30,43	29,34	29,24
<b>Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài</b>	15,15	18,07	18,59	19,63	20,28
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	12,55	10,02	10,04	10,00	9,97

Nguồn: Phân giám thông kê 2018

doanh nghiệp có quy mô lớn, thu hút đáng kể vốn cho sản xuất, kinh doanh với 6 triệu tỷ đồng, chiếm 18,1% tổng vốn của toàn bộ khu vực doanh nghiệp. Như vậy, xét trong mối tương quan giữa các loại hình doanh nghiệp, thì doanh nghiệp ngoài nhà nước vẫn là nơi thu hút được nhiều nguồn vốn nhất trong dân cư vào sản xuất, kinh doanh.

## ỨNG XỬ CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

*Đối với cá thể, tiểu chủ:* Do nhận thức giản đơn, có phần bàng quan, thiếu sự quan tâm của cơ quan quản lý nhà nước dẫn đến thất thu ngân sách, chưa phát huy hết tiềm năng của thành phần kinh tế này. Những quy định về sản xuất, kinh doanh đối với hộ cá thể vẫn còn nhiều bất cập, không phát huy được tiềm năng vốn có của thành phần kinh tế này như: quy định hạn chế quyền kinh doanh theo Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, hộ cá thể chỉ được đăng ký tại một địa điểm, hoạt động kinh doanh trong phạm vi quận (huyện), không được mở chi nhánh, văn phòng đại diện, hạn chế quy mô sử dụng lao động, dưới 10 lao động thường xuyên... Chưa kể, một số ngành nghề phải là doanh nghiệp. Kinh tế cá thể luôn bị coi là kinh tế phụ, bán chính thức và ít được quan tâm, không có một cơ quan chuyên trách quản lý và nghiên cứu phát triển.

Đối với doanh nghiệp ngoài nhà nước, các quy định còn khắt khe, cản trở sự lớn mạnh của doanh nghiệp. Còn nhiều rào cản để các doanh nghiệp tham gia và rút khỏi thị trường, liên quan đến: những điều kiện kinh doanh cụ thể; đăng ký mã số ngành nghề kinh doanh; thẩm quyền của cơ quan đăng ký kinh doanh; rút giấy đăng ký kinh doanh và việc phá sản của doanh nghiệp...

Cụ thể, đối với thủ tục hành chính, dù Chính phủ đã rất nỗ lực trong cải cách thủ tục hành chính trên tinh thần “phục vụ”, nhưng vẫn còn tình trạng “trên trời dưới đất” khi rất nhiều thủ tục hành chính rườm rà, mất thời gian, tăng chi phí cho doanh nghiệp, nhất là những thủ tục về điều kiện kinh doanh, giấy phép con.

Hơn nữa, mặc dù trong các văn kiện của Đảng đều khẳng định, các thành phần kinh tế được tạo mọi điều kiện để phát triển, nhưng trong thực tế có sự phân biệt. Cùng là khu vực tư nhân, nhưng các doanh nghiệp FDI được ưu đãi rất nhiều. Doanh nghiệp FDI được Nhà nước và chính quyền địa phương dành cho quá nhiều sự ưu đãi, trong đó phải nói đến ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, về thuế xuất - nhập khẩu và ưu đãi về tài chính, đất đai. Trước hết, phải khẳng định rằng, chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam trong bối cảnh nước ta hiện nay là hoàn toàn đúng đắn nhằm bổ sung nguồn vốn cho phát triển kinh tế và xã hội, tiếp cận công nghệ tiên tiến và kinh nghiệm quản lý kinh doanh chuyên nghiệp từ các nhà đầu tư, giúp cho các địa phương trong vùng có thể tham gia được vào mạng lưới sản xuất chung của toàn cầu. Tuy nhiên, cần xem xét đến yếu tố môi trường cạnh tranh, bởi đây là thành phần kinh tế có lợi thế lớn hơn hẳn so với doanh nghiệp ngoài nhà nước, cũng như thành phần kinh tế cá thể, tiểu chủ cả về vốn và công nghệ. Chính những ưu đãi đã khiến Việt Nam trở thành “thiên đường” giúp các doanh nghiệp FDI trốn thuế, ảnh hưởng đến môi trường cạnh tranh. Theo khảo sát của VCCI và USAID (2017), doanh nghiệp tư nhân trong nước vẫn nằm trong nhóm các doanh nghiệp chịu thiệt thòi nhất. Có tới 38% doanh nghiệp được hỏi cho rằng, “sự ưu ái của chính quyền địa phương với các doanh nghiệp nhà nước đã gây khó khăn cho hoạt động của doanh nghiệp”. Hơn 42% doanh nghiệp được hỏi đồng ý với nhận định rằng “chính quyền địa phương dường như ưu tiên việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài hơn là việc phát triển khu vực tư nhân trong nước”.

Trong năm 2019, VCCI cũng tiến hành 2 cuộc khảo sát nhanh đối với gần 1.000 doanh nghiệp có kiến nghị với các bộ ngành, địa phương trong năm 2018 và 2019. Kết quả cho thấy, về trả lời kiến nghị của các bộ ngành: có 37,9% doanh nghiệp trả lời hài lòng, 17,7% doanh nghiệp trả lời rất hài lòng, 40,7% doanh nghiệp trả lời chưa hài lòng và 3,7% doanh nghiệp không đánh giá. Về việc giải quyết kiến nghị của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: có 27,7% doanh nghiệp trả lời hài lòng, 9,6% doanh nghiệp trả lời rất hài lòng, 31,6% doanh nghiệp trả lời chưa hài lòng và 31,1% doanh nghiệp không đánh giá.

## NHỮNG HẠN CHẾ, THÁCH THỨC

Về phía cá thể, tiểu chủ, các hộ kinh doanh cá thể thường lợi dụng những ưu đãi về thuế chế, chính sách, không muốn chuyển đổi mô hình hoạt động lên thành doanh nghiệp. So với doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể lại có những lợi thế hơn. Ví dụ, trong chế độ sổ sách kế toán, thì hồ sơ, trình tự, thủ tục thành lập đơn giản hơn; lệ phí thành lập chỉ bằng 50% lệ phí thành lập doanh nghiệp; chỉ có 6 loại sổ sách kế toán, trong khi doanh nghiệp vừa và nhỏ có tới hàng chục loại; chỉ cần đóng thuế môn bài, nộp kê khai hoặc thuế khoán, không phải đóng thuế giá trị gia tăng hay thuế thu nhập cá nhân hoặc thuế thu nhập doanh nghiệp; không phải thực hiện quá nhiều thủ tục hành chính như các thủ tục liên quan đến bảo hiểm, công đoàn, lao động hay phòng cháy, chữa cháy.

Bên cạnh đó, các hộ kinh doanh cũng lợi dụng việc quản lý lỏng lẻo, thiếu minh bạch của nhà nước để trốn thuế, gây thất thu ngân sách, méo mó môi trường kinh doanh. Năm 2018, kinh tế cá thể tiểu chủ đóng góp 29,2% GDP, nhưng chỉ góp 1,56% thuế cho ngân sách nhà nước. Năm 2017, có đến 102.095 hộ kinh doanh có doanh thu thường xuyên lớn hơn 1 tỷ đồng/năm; năm 2018 có nhiều hộ có doanh thu từ vài trăm tỷ đồng/năm, tương đương với doanh thu của các doanh nghiệp đăng ký chính thức (Lê Duy Bình, 2018), nhưng họ vẫn không muốn chuyển sang mô hình doanh nghiệp. Nguyên nhân chính là do cách tính thuế đối với các hộ kinh doanh cá thể mang tính chủ quan, ước tính tương đối, chứ không phải dựa trên doanh thu, hay con số thực. Hơn nữa, thủ tục kê khai nộp thuế đơn giản (chỉ nộp thuế khoán, mức thuế khoán sẽ được ổn định hàng năm và họ chỉ kê khai theo mức thuế quy định 1 lần, nộp thuế một lần và không phải quyết toán thuế). Bên cạnh đó, chính những quy định lỏng lẻo hiện hành đã tạo ra những dư địa để gây nhũng nhiễu, thậm chí là tham nhũng, thỏa thuận mức thuế khoán thấp, gây thất thoát thuế của Nhà nước.

Còn đối với doanh nghiệp ngoài nhà nước, theo Tổng cục Thống kê (2019a), thành phần này tuy chiếm tỷ trọng lớn (96,67%) trong tổng số doanh nghiệp cá nhân, nhưng đại đa số doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ (75,9%), nhỏ (21,4%), rất ít doanh nghiệp vừa (1,4%) cũng như



Năm 2019,  
cả nước có 138,1 nghìn  
doanh nghiệp mới  
được thành lập

doanh nghiệp lớn (1,3%). Như vậy, nếu cộng lại, cả nước có đến 97,3% doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ (theo tiêu chí đánh giá doanh nghiệp Việt Nam tại điều 6, Nghị định số 39/2018/NĐ-CP, ngày 11/3/2018 của Chính phủ). Điều này cho thấy, cấu trúc doanh nghiệp Việt Nam rất không cân đối, trong trung và dài hạn sẽ không có nhiều doanh nghiệp phát triển thành doanh nghiệp vừa và lớn, do vậy sẽ không phát huy được lợi thế nhờ quy mô để phát triển sản xuất, mang lại năng suất và hiệu quả cao cho nền kinh tế.

Mặt khác, đa phần doanh nghiệp tư nhân tập trung nhiều vào những ngành nghề đòi hỏi vốn ít, thời gian thu hồi vốn nhanh; tính liên kết, hợp tác thành công đồng thấp, cạnh tranh không lành mạnh, chen ép nhau, hiệu quả kinh doanh thấp, kém bền vững.

*Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài*  
Về kinh tế, hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài không phải bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu cũng phát huy tác dụng tích cực của nó đối với kinh tế của địa phương tiếp nhận đầu tư, mà còn phụ thuộc rất nhiều vào vai trò của quản lý nhà nước. Ngoài những giá trị tích cực, các doanh nghiệp FDI cũng để lại nhiều hệ lụy, như: làm tăng sự lệ thuộc của quốc gia hay địa phương vào nước ngoài về vốn, kỹ thuật và mang lại thị trường tiêu thụ sản phẩm. Các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài thường mang cả vốn và công nghệ "hiện đại - tiên tiến" (so với các nước tiếp nhận đầu tư, nhưng đôi khi đã trở nên lạc hậu với chính bản thân họ) để tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đạt lợi nhuận cao, nên hầu hết công nghệ sản xuất, tư liệu lao động

phải nhập khẩu. Vô tình, địa phương tiếp nhận đầu tư trở thành nơi tiếp nhận những công nghệ cũ, lạc hậu của nước ngoài, nguy cơ trở thành bãi rác thải của các nước công nghiệp phát triển.

Các nhà đầu tư nước ngoài ít quan tâm đến việc đầu tư sản xuất, kinh doanh vào những ngành nghề có lợi nhuận thấp hoặc nơi vùng sâu, vùng xa có điều kiện khó khăn. Vì vậy, cơ cấu kinh tế theo ngành, theo lãnh thổ bị mất cân đối, thậm chí có thể làm phá sản những ngành nghề truyền thống của nước tiếp nhận đầu tư. Do đó, việc quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương tiếp nhận đầu tư có thể bị phá vỡ hoặc thay đổi theo hướng bất lợi cho địa phương.

Mặt khác, các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài thường đầu tư vào các ngành thâm dụng nhân công giá rẻ và lợi dụng kẻ hở trong pháp luật, trong quản lý để chuyển giá, trốn thuế, gây ô nhiễm môi trường, tổn hại đến lợi ích của địa phương tiếp nhận đầu tư.

## MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

Để phát huy vai trò của kinh tế tư nhân, theo tác giả, cần chú trọng những vấn đề sau:

*Thứ nhất*, tiếp tục quán triệt tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thống nhất nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của kinh tế tư nhân trong phát triển của nền kinh tế, đồng thời tạo điều kiện và môi trường tốt nhất cho kinh tế tư nhân phát triển. Đổi mới mạnh mẽ thể chế kinh tế theo hướng tôn trọng tự do kinh doanh, tự do sáng tạo, tự do cá nhân và quyền tài sản. Xóa bỏ mọi rào cản về tư duy và nhận thức đang cản trở sự phát triển của kinh tế tư nhân, coi tạo điều kiện cho phát triển kinh tế tư nhân là một thước đo về hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước. Nhà nước có trách nhiệm định hướng, hỗ trợ và tạo điều kiện phát triển cho kinh tế tư nhân, không cho phép bất kỳ cơ quan, cá nhân nào gây khó khăn, cản trở hoạt động, cản trở sự phát triển của kinh tế tư nhân.

*Thứ hai*, coi kinh tế cá thể như một thành phần kinh tế độc lập, chính thức cần được quan tâm phát triển. Ở mỗi số, ban, ngành cần phải có một cơ quan chuyên trách quản lý, giám sát, nghiên cứu, phát triển, chứ không thể coi như một khu vực phi chính thức như hiện nay.

Để quản lý kinh tế cá thể, tiểu chủ, trước hết phải có quy định chặt chẽ về chế độ khoán thuế, làm sao cho sát thực tế để thành phần kinh tế cá thể kinh doanh không lợi dụng để trốn thuế. Khi đủ điều kiện, thì áp dụng khoán thuế điện tử đối với hộ kinh doanh. Đồng thời, xử lý nghiêm các trường hợp có thỏa thuận, thương lượng về mức thuế khoán của hộ kinh doanh với cán bộ quản lý thuế. Tăng cường tính minh bạch, công bố công khai để cho các hộ kinh doanh giám sát lẫn nhau. Tập trung vào những hộ kinh doanh lớn, quy mô và doanh thu lớn để xác định nguy cơ trốn thuế.

Ngoài ra, khuyến khích hộ kinh doanh chuyển thành doanh nghiệp bằng cách xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, bình đẳng. Về mặt thể chế, phải có quy định như nhau giữa hộ kinh doanh cũng như doanh nghiệp. Ưu đãi cho các hộ kinh doanh chuyển thành doanh nghiệp, giảm thiểu chi phí về mặt thời gian, thủ tục, cũng như những chi phí về việc tuân thủ thuế và các chế độ tài chính khác.

*Thứ ba*, bên cạnh chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, cần có cơ chế quản lý và giám sát chặt chẽ đối với doanh nghiệp FDI. Đảm bảo các doanh nghiệp FDI hoạt động đúng định hướng, đúng mục đích là thu hút vốn và công nghệ; tạo việc làm; tiên phong trong đào tạo, nâng cao trình độ và tác phong công nghiệp của đội ngũ công nhân, kỹ thuật viên, cán bộ quản lý, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao năng lực sản xuất công nghiệp, thúc đẩy chuyển giao

công nghệ; tác động tích cực tới sự phát triển của doanh nghiệp trong nước.

Hiện nay, doanh nghiệp trong nước hay doanh nghiệp FDI đều chịu mức thuế suất như nhau là 20%. Doanh nghiệp FDI có quy mô lớn hơn rất nhiều so với doanh nghiệp trong nước, trong khi các doanh nghiệp trong nước có đến 97,3% là doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ và nhỏ. Trong một "sân chơi" chung mà doanh nghiệp lớn cũng bình đẳng như doanh nghiệp nhỏ, thì rõ ràng, doanh nghiệp lớn có lợi hơn. Chưa kể, theo một số ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (được miễn thuế tối đa 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa 9 năm tiếp theo, cùng những ưu đãi khác của chính quyền địa phương), chỉ doanh nghiệp FDI mới đáp ứng được, rất ít doanh nghiệp trong nước được hưởng. Áp dụng mức thuế suất như nhau giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp FDI hiện nay thực chất là cao bằng, chứ không đem lại sự bình đẳng. Do đó, cần khẩn trương hoàn thiện thể chế các ưu đãi theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, đồng thời sớm cụ thể hóa quy định doanh nghiệp nhỏ và vừa được hưởng thuế suất thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất áp dụng cho doanh nghiệp. Đồng thời, mở rộng đối tượng chịu thuế đối với một số sắc thuế, trước hết là thuế bảo vệ môi trường. □

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1989). *Nghị quyết số 06-NQ/HNTW, ngày 29/3/1989 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) về kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và phương hướng, nhiệm vụ ba năm tới*
3. Ban Chấp hành Trung ương (2002). *Nghị quyết số 14-NQ/TW, ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ Năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân*
4. Ban Chấp hành Trung ương (2017). *Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 3/6/2017 Hội nghị lần thứ năm khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*
5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2019). *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam 2019*, Nxb Thống kê
6. Lê Duy Bình (2018). *Kinh tế tư nhân Việt Nam, năng suất và thịnh vượng*
7. Vũ Hùng Cường (2011). *Kinh tế tư nhân và vai trò động lực tăng trưởng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội
8. Tổng cục Thống kê (2019a). *Niên giám thống kê 2018*, Nxb Thống kê
9. Tổng cục Thống kê (2019b). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý 4 và năm 2019*
10. VCCI (2019). *Báo cáo tổng hợp, đánh giá tình hình giải quyết kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp giai đoạn 2016-2019*
11. VCCI và USAID (2017). *Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh: Đo lường năng lực điều hành kinh tế và sự phát triển của khu vực tư nhân*